



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 6 năm 2013	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được soát xét cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 9 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 501.360.900.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 gồm:

- Chi nhánh tại 507 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Xi nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 69 Trần Hưng Đạo, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
- Chi nhánh tại 295 Trần Hưng Đạo B, Phường 5, Thị xã Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có đầu tư vào 02 công ty con.

Ngành nghề sản xuất chính của Tập đoàn như sau:

- Sản xuất thép cán nóng (P/O), thép cán nguội (C/R), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu (tôn mạ màu), thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gỗ thép. Sản xuất tôn lợp, cán xà gỗ.
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng. Sản xuất tấm lợp các loại.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

- Mua bán sắt thép các loại.
- Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Mua bán nông sản.
- Mua bán vỏ, ruột xe.
- Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
- Xây dựng nhà các loại.
- Thi công hệ thống điện công trình.
- Thi công hệ thống nước công trình.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Đúc sắt, thép.
- Sản xuất thép xây dựng, thép hình.
- Chế biến nông sản.
- Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.
- Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
- Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	01/6/2007	
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch	28/4/2011	
Ông Lê Bá Phương	Thành viên	25/4/2008	
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Thành viên	25/4/2008	14/5/2013
Bà Lâm Thị Kim Phụng	Thành viên	11/4/2011	
Ông Nguyễn Thanh Sang	Thành viên	25/4/2013	

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	15/4/2004	
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám đốc	01/6/2007	14/5/2013
Bà Lâm Thị Kim Phụng	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2009	
Ông Phạm Vương Anh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	12/3/2013	
Ông Vũ Thành Nam	Giám đốc Tài Chính	02/11/2012	
Bà Nguyễn Thị Phước Diên	Kế toán trưởng	02/11/2012	

3. Tình hình kinh doanh năm 6 tháng đầu năm 2013

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Bình Dương, ngày 28 tháng 8 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THANH NGHĨA



RSM DTL Auditing

Connected for Success

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027
www.rsm.com.vn | dtlco@rsm.com.vn

Số: 14.129/BCSXHN-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: **Các Cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2013 được lập ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 05 đến trang 34 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN HOÀNG VY THẢO

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1727-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.450.725.176.488	1.065.180.913.743
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	109.102.818.362	27.467.867.667
1. Tiền	111		36.982.818.362	22.857.867.667
2. Các khoản tương đương tiền	112		72.120.000.000	4.610.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	850.725.000	646.550.997
1. Đầu tư ngắn hạn	121		988.103.451	988.103.451
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(137.378.451)	(341.552.454)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(5.3)	223.580.109.889	64.840.753.243
1. Phải thu khách hàng	131		194.742.010.238	57.765.691.429
2. Trả trước cho người bán	132		6.825.300.450	10.557.716.671
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		29.523.078.479	3.818.466.840
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.510.279.278)	(7.301.121.697)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.4)	1.055.302.150.081	936.438.103.645
1. Hàng tồn kho	141		1.061.932.162.123	945.314.630.207
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.630.012.042)	(8.876.526.562)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		61.889.373.156	35.787.638.191
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		303.532.709	479.810.632
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		31.887.703.637	16.149.050.987
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	29.698.136.810	19.158.776.572

(phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		892.794.654.753	847.195.543.652
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		890.192.286.346	846.162.274.553
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.6)	449.396.764.631	472.878.612.944
+ Nguyên giá	222		540.023.987.915	532.356.401.173
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(90.627.223.284)	(59.477.788.229)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	(5.7)	9.046.874.147	9.693.079.445
+ Nguyên giá	225		10.339.284.741	10.339.284.741
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.292.410.594)	(646.205.296)
3. TSCĐ vô hình	227	(5.8)	59.170.684.963	59.890.619.372
+ Nguyên giá	228		62.961.546.808	62.961.546.808
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.790.861.845)	(3.070.927.436)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.9)	372.577.962.605	303.699.962.792
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		712.425.103	339.477.795
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		712.425.103	339.477.795
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.889.943.304	693.791.304
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		727.308.716	90.000.000
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	(6.11)	857.165.668	298.322.384
3. Tài sản dài hạn khác	268		305.468.920	305.468.920
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.343.519.831.241	1.912.376.457.395

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.611.533.653.925	1.187.631.474.195
I. Nợ ngắn hạn	310		1.343.291.275.094	992.683.063.545
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.10)	632.287.947.872	669.222.608.154
2. Phải trả người bán	312	(5.11)	580.348.791.245	225.246.936.198
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.11)	35.355.603.500	7.829.950.192
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.12)	74.813.256.833	74.023.754.434
5. Phải trả người lao động	315	(5.13)	742.604.530	3.033.575.364
6. Chi phí phải trả	316	(5.14)	1.830.771.227	3.945.227.288
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.15)	12.587.081.903	4.088.022.961
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.16)	5.325.217.984	5.292.988.954
II. Nợ dài hạn	330		268.242.378.831	194.948.410.650
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.17)	268.242.378.831	194.948.410.650
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		731.986.177.316	724.744.983.200
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.18.1)	731.986.177.316	724.744.983.200
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.18.2)	501.360.900.000	501.360.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.852.283.540	160.852.283.540
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(58.638.685.584)	(58.638.685.584)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		26.017.792.309	25.358.534.309
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.479.121.366	2.632.796.366
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.18.6)	99.914.765.685	93.179.154.569
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.343.519.831.241	1.912.376.457.395

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.812.487.702	1.812.487.702
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		1.530.670,68	4.446,19
+ EUR		100,27	100,27
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



VŨ THỊ VUI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

Bình Dương, ngày 28 tháng 8 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI THIÊN LỘC



NGUYỄN THANH NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		971.249.309.238	712.187.405.854
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.118.851.436	1.615.686.444
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	969.130.457.802	710.571.719.410
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	898.790.392.610	634.591.638.511
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		70.340.065.192	75.980.080.899
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	1.425.621.638	2.357.193.681
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	30.708.091.655	46.675.474.752
trong đó, chi phí lãi vay	23		21.859.485.154	45.273.233.303
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	8.951.751.676	5.821.359.344
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	21.644.370.520	16.893.840.817
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.461.472.979	8.946.599.667
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	244.526.831	10.498.430.978
12. Chi phí khác	32	(6.8)	2.830.571.048	11.273.536.669
13. Lợi nhuận khác	40		(2.586.044.217)	(775.105.691)
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		7.875.428.762	8.171.493.976
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	(6.10)	460.559.414	143.042.708
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	(6.11)	(558.843.284)	(386.704.946)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		7.973.712.632	8.415.156.214
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		7.973.712.632	8.415.156.214
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	(5.18.5)	170	179

NGƯỜI LẬP BIỂU

VŨ THỊ VUI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

Bình Dương, ngày 28 tháng 8 năm 2013



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THANH NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.875.428.762	8.171.493.976
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		33.782.824.282	7.739.406.840
Các khoản dự phòng	03		(2.241.530.942)	(11.747.093.788)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		7.337.804.745	(734.055.648)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(869.900.382)	(1.295.879.362)
Chi phí lãi vay	06		21.859.485.154	45.273.233.303
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		67.744.111.619	47.407.105.321
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(174.699.641.925)	144.711.838.723
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(116.617.531.916)	(16.127.008.411)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		385.622.147.090	(102.323.137.318)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		176.277.923	26.291.043
Tiền lãi vay đã trả	13		(37.029.622.723)	(52.082.209.920)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		231.531.182.723	231.715.607.127
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			(241.898.918.683)	(253.543.758.967)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			114.828.004.109	(215.272.401)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(65.267.033.605)	(99.768.125.586)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	5.773.861.325
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(372.947.308)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		218.883.150	1.034.161.371
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(65.421.097.763)	(90.960.102.890)

(phần tiếp theo trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		782.978.169.380	856.730.424.630
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(749.038.032.465)	(762.623.329.557)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.781.902.032)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(46.921.602.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		32.158.234.883	47.185.492.973
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		81.565.141.229	(43.989.882.318)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		27.467.867.667	46.573.662.231
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		69.809.466	(612.754)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		109.102.818.362	2.583.167.159

NGƯỜI LẬP BIỂU

VŨ THỊ VUI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

Bình Dương, ngày 28 tháng 8 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THANH NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là Công ty) (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 09 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 501.360.900.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2013 gồm:

- Chi nhánh tại 507 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 69 Trần Hưng Đạo, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
- Chi nhánh tại 295 Trần Hưng Đạo B, Phường 5, Thị xã Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Công ty có đầu tư vào 02 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề sản xuất chính của Tập đoàn như sau:

- Sản xuất thép cán nóng (P/O), thép cán nguội (C/R), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu (tôn mạ màu), thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gỗ thép. Sản xuất tôn lợp, cán xà gỗ.
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng. Sản xuất tấm lợp các loại.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

- Mua bán sắt thép các loại.
- Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Mua bán nông sản.
- Mua bán vỏ, ruột xe.
- Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
- Xây dựng nhà các loại.
- Thi công hệ thống điện công trình.
- Thi công hệ thống nước công trình.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Đúc sắt, thép.
- Sản xuất thép xây dựng, thép hình.
- Chế biến nông sản.
- Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
- Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi.

1.4. Danh sách các công ty con được hợp nhất

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1.	Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, Lô A, đường 22, KCN Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	100%	100%

1.5. Nhân Viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Tập đoàn có 590 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 479 nhân viên).

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc, báo cáo tài chính các công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản kỳ gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
+ Tài sản cố định hữu hình khác	05 năm
+ Tài sản cố định vô hình – Phần mềm máy tính	08 năm
+ Tài sản cố định vô hình – Quyền sử dụng đất có thời hạn	39 - 48 năm

4.7. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay: Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

▪ Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ trên báo cáo tài chính hợp nhất được trích lập và sử dụng theo tỷ lệ như sau:

	<u>Mục đích</u>	<u>Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính hợp nhất</u>
+ Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu	5%
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3%

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm của Công ty.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

4.12. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

- Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

- + Đối với Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc:

Đối với hoạt động thương mại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 06 năm tiếp theo (từ năm 2005 đến năm 2011).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Đối với hoạt động sản xuất, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2013).

+ Đối với Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

▪ Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.13. Công cụ tài chính

▪ Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

▪ Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	1.358.914.922	610.934.912
Tiền gửi ngân hàng	35.618.989.172	22.246.932.755
Tiền đang chuyển	4.914.268	-
Các khoản tương đương tiền	72.120.000.000	4.610.000.000
Tổng cộng	109.102.818.362	27.467.867.667

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	988.103.451	988.103.451
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	988.103.451	988.103.451
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(137.378.451)	(341.552.454)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	850.725.000	646.550.997

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cổ phiếu ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Đông Hải Bến Tre	113.430	988.103.451	113.430	988.103.451

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	194.742.010.238	57.765.691.429
Trả trước cho người bán	6.825.300.450	10.557.716.671
Các khoản phải thu khác	29.523.078.479	3.818.466.840
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	231.090.389.167	72.141.874.940
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.510.279.278)	(7.301.121.697)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	223.580.109.889	64.840.753.243

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng tại Công ty CP Đại Thiên Lộc	66.632.385.550	21.038.766.534
Phải thu khách hàng tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	127.938.079.840	36.555.380.047
Phải thu khách hàng tại Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	171.544.848	171.544.848
Cộng	194.742.010.238	57.765.691.429

Trong khoản phải thu khách hàng có khoản phải thu từ các bên liên quan là 106.160.718.070 đồng – Xem thêm mục 9.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền cho công nhân viên vay	622.744.750	622.744.750
Thuế Giá trị gia tăng chờ được khấu trừ	25.360.598.996	1.353.346.196
Thuế nhập khẩu chờ được hoàn	-	211.747.822
Phải thu từ các bên liên quan chi hộ, cho mượn – xem thêm mục 9.	996.862.180	-
Phải thu khác	2.542.872.553	1.630.628.072
Cộng	29.523.078.479	3.818.466.840

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	(6.749.892)	-
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 02 năm	(281.796.295)	(142.953.083)
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 03 năm	(688.207.852)	(209.585.986)
Khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	(6.533.525.239)	(6.948.582.628)
Cộng	(7.510.279.278)	(7.301.121.697)

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	178.733.291.982	149.907.602.993
Công cụ, dụng cụ	9.534.087.990	6.923.086.049
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	988.770.935	204.473.512
Thành phẩm	320.152.360.140	303.445.837.868
Hàng hóa	552.523.651.076	484.833.629.785
Cộng giá gốc hàng tồn kho	1.061.932.162.123	945.314.630.207
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.630.012.042)	(8.876.526.562)
Giá trị thuần có thể thực hiện	1.055.302.150.081	936.438.103.645

Hàng tồn kho với giá trị là 405.654.621.281 đồng và 16.104.537,19 Đô la Mỹ được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ vay – Xem thêm mục 5.10.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	121.280.420	121.280.420
Tạm ứng	1.782.414.340	1.085.152.014
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	27.794.442.050	17.952.344.138
Tổng cộng	29.698.136.810	19.158.776.572

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn là khoản ký quỹ dùng để mở LC thanh toán.

(phần tiếp theo trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	ĐVT: ngàn đồng	
					TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	16.931.484	477.627.222	34.300.742	2.184.842	1.312.111	532.356.401
Mua trong kỳ	-	3.907.903	-	-	-	3.907.903
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	5.690.909	-	-	5.690.909
Thanh lý, nhượng bán	-	(52.000)	-	-	-	(52.000)
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(946.203)	(83.871)	(849.151)	-	(1.879.225)
Số dư cuối kỳ	16.931.484	480.536.922	39.907.780	1.335.691	1.312.111	540.023.988
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	7.423.288	36.817.730	13.978.544	1.100.949	157.277	59.477.788
Khấu hao trong kỳ	595.877	29.356.101	2.225.073	143.426	96.208	32.416.685
Thanh lý, nhượng bán	-	(25.333)	-	-	-	(25.333)
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(524.096)	(71.971)	(645.849)	-	(1.241.916)
Số dư cuối kỳ	8.019.165	65.624.401	16.131.646	598.527	253.485	90.627.224
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	9.508.196	440.809.493	20.322.198	1.083.892	1.154.834	472.878.613
Tại ngày cuối kỳ	8.912.319	414.912.521	23.776.134	737.164	1.058.626	449.396.764

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 370.342.055.638 đồng
– Xem thêm mục 5.10 và 5.17.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.215.288.711 đồng.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc thiết bị
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	10.339.284.741
Thuê tài chính trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	10.339.284.741
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	646.205.296
Khấu hao trong kỳ	646.205.298
Số dư cuối kỳ	1.292.410.594
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	9.693.079.445
Tại ngày cuối kỳ	9.046.874.147

Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong kỳ là 149.801.917 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Tiền thuê được tính dựa trên giá trị thuê và lãi suất thuê được quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính số C120305502 ngày 05 tháng 06 năm 2012 của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease.

Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền mua tài sản: Bên Thuê đồng ý mua lại Tài sản thuê và Bên Cho Thuê đồng ý bán Tài sản thuê với giá bằng giá trị còn lại được quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính số C120305502 ngày 05 tháng 06 năm 2012 của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Số dư cuối kỳ	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.025.277.943	45.649.493	3.070.927.436
Khấu hao trong kỳ	714.228.222	5.706.187	719.934.409
Số dư cuối kỳ	3.739.506.165	51.355.680	3.790.861.845
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	59.844.969.865	45.649.507	59.890.619.372
Tại ngày cuối kỳ	59.130.741.643	39.943.320	59.170.684.963

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 55.555.024.605 đồng – Xem thêm mục 5.10 và mục 5.17.

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Máy móc, dây chuyền sản xuất	252.074.838.727	181.343.390.563
Công trình văn phòng, nhà xưởng, nhà ăn	113.573.874.969	112.152.476.174
Công trình xây dựng đường trạm, hệ thống điện, PCCC, xử lý nước thải	5.746.996.911	9.021.844.057
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.182.251.998	1.182.251.998
Tổng cộng	372.577.962.605	303.699.962.792

Giá trị xây dựng cơ bản dở dang công trình văn phòng nhà xưởng, máy móc thiết bị và công trình văn phòng là 247.922.480.054 đồng đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay dài hạn – Xem thêm mục 5.17.

5.10. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	541.298.593.320	568.527.549.905
Vay đối tượng khác	2.161.069.737	2.161.069.737
Vay dài hạn đến hạn trả	85.264.480.753	94.970.184.448
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	3.563.804.062	3.563.804.064
Tổng cộng	632.287.947.872	669.222.608.154

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản vay ngân hàng dùng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu, chịu lãi suất từ 4,55%/năm đến 6,8%/năm đối với USD và từ 6,5%/năm đến 14%/năm đối với VND và được đảm bảo bằng:

- Hàng tồn kho với giá trị là 405.654.621.281 đồng và 16.104.537,19 Đô la Mỹ – Xem thêm mục 5.4.
- Tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 15.063.122.005 đồng – Xem thêm mục 5.6.
- Tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 37.259.761.238 đồng – Xem thêm mục 5.8.

Vay đối tượng khác là các khoản vay các cá nhân có liên quan dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất từ 1,5% đến 1,65%/tháng đối với VND - Xem thêm mục 9.

Vay dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.17.

Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả là nợ đến hạn theo hợp đồng cho thuê tài chính số C120305502 Chailease ngày 05 tháng 06 năm 2012 của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế - Xem thêm mục 5.17

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	580.348.791.245	225.246.936.198
Người mua trả tiền trước	35.355.603.500	7.829.950.192
Tổng cộng	615.704.394.745	233.076.886.390

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán tại Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	356.418.809.847	59.120.157.238
Phải trả người bán tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	223.929.981.398	166.126.778.960
Cộng	580.348.791.245	225.246.936.198

Trong đó có khoản phải trả cho các bên liên quan là 118.412.390.996 đồng – Xem thêm mục 9.

5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	31.693.585.421	44.183.021.892
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	18.898.748.644	3.726.457.045
Thuế xuất, nhập khẩu	5.351.639.467	7.759.773.766
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.340.428.399	16.879.868.985
Thuế thu nhập cá nhân	1.528.588.502	1.470.192.746
Các loại thuế khác	266.400	4.440.000
Tổng cộng	74.813.256.833	74.023.754.434

5.13. Phải trả người lao động

Là khoản phải trả lương tháng 6 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí lãi vay	1.684.318.698	3.644.678.424
Chi phí khác	146.452.529	300.548.864
Tổng cộng	1.830.771.227	3.945.227.288

Trong đó, chi phí lãi vay phải trả cho các bên liên quan là 97.488.592 đồng – Xem thêm mục 9.

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	132.037.579	262.713.186
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	914.320.188	349.569.651
Phải trả tiền mượn	7.970.942.600	-
Cổ tức phải trả	152.737.500	152.737.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.417.044.036	3.323.002.624
Tổng cộng	12.587.081.903	4.088.022.961

5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	5.292.988.954	4.765.387.201
Trích lập trong kỳ	395.554.000	4.871.559.173
Tăng khác	-	1.500.000
Sử dụng trong kỳ	(363.324.970)	(4.305.883.520)
Số dư cuối kỳ	5.325.217.984	5.332.562.854

5.17. Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	157.675.912.110	193.166.508.620
Vay đối tượng khác	110.566.466.721	-
Nợ thuế tài chính	-	1.781.902.030
Tổng cộng	268.242.378.831	194.948.410.650

Các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 48 tháng đến 60 tháng với lãi suất dao động theo lãi suất tiền gửi của ngân hàng cộng biên độ phù hợp do các ngân hàng quy định từng thời kỳ để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng, đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Số dư nợ gốc đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 242.940.392.863 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 85.264.480.753 đồng – Xem thêm mục 5.10.

Các khoản vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm:

- Tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 355.278.933.633 đồng – Xem thêm mục 5.6.
- Tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 18.295.263.367 đồng – Xem thêm mục 5.8.
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị là 247.922.480.054 đồng -Xem thêm mục 5.9.

Vay dài hạn đối tượng khác là các khoản vay cá nhân liên quan có thời hạn 18 tháng theo hình thức tín chấp với lãi suất từ 0% đến 1,5%/tháng – Xem thêm mục 9.

Nợ thuế tài chính là các khoản thuế tài chính về máy móc thiết bị với thời hạn 02 năm. Số dư nợ thuế tài chính đến hạn trả là 3.563.804.062 đồng – xem thêm mục 5.10.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18. Vốn chủ sở hữu**5.18.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	247.207.664	17.239.269.021	1.866.469.837	140.680.157.594	763.607.602.072
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	13.185.162.056	13.185.162.056
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	8.119.265.288	811.926.529	(13.802.750.990)	(4.871.559.173)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(46.908.230.000)	(46.908.230.000)
Chi quỹ năm trước	-	-	-	-	-	(45.600.000)	-	(45.600.000)
Giảm khác	-	-	-	(247.207.664)	-	-	-	(247.207.664)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	24.815.909	24.815.909
Số dư đầu năm nay	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	-	25.358.534.309	2.632.796.366	93.179.154.569	724.744.983.200
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	7.973.712.632	7.973.712.632
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	659.258.000	65.925.000	(1.120.737.000)	(395.554.000)
Chi quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	(219.600.000)	-	(219.600.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(117.364.516)	(117.364.516)
Số dư cuối kỳ	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	-	26.017.792.309	2.479.121.366	99.914.765.685	731.986.177.316

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu Năm	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	203.271.570.000	40,54	187.697.270.000	37,44
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	71.817.750.000	14,33	71.817.750.000	14,32
Vốn góp của các đối tượng khác	226.271.580.000	45,13	241.845.880.000	48,24
Tổng cộng	501.360.900.000	100,00	501.360.900.000	100,00

5.18.3. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01-2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013. Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu cho năm tài chính 2012 với tỷ lệ 10% tương đương số tiền là 46.908.250.000 đồng. Tính đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2013, Công ty vẫn chưa phê duyệt phương án chia cổ tức, theo đó chưa thực hiện chia cổ tức cho cổ đông.

5.18.4. Cổ phần

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	50.136.090	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	50.136.090	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	3.227.840	3.227.840
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	46.908.250	46.908.250
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.18.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	7.973.712.632	8.415.156.214
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	46.908.250	46.908.250
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	170	179

5.18.6. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	93.179.154.569	140.680.157.594
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	7.973.712.632	8.415.156.214
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(659.258.000)	(8.119.265.288)
Trích lập Quỹ khác từ vốn chủ sở hữu	(65.925.000)	(811.926.529)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(395.554.000)	(4.871.559.173)
Chia cổ tức	-	(46.908.230.000)
Tăng khác/(giảm khác)	(117.364.516)	1.438.786
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	99.914.765.685	88.385.771.604

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán thành phẩm	483.416.893.201	410.907.223.738
Doanh thu bán hàng hóa	487.832.416.037	297.645.445.826
Doanh thu bán nguyên vật liệu, phế liệu	-	3.614.698.933
Doanh thu khác	-	20.037.357
Giảm giá hàng bán	(72.331.790)	(12.022.920)
Hàng bán bị trả lại	(2.046.519.646)	(1.603.663.524)
Doanh thu thuần	969.130.457.802	710.571.719.410

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	421.899.033.366	355.896.246.925
Giá vốn của hàng hóa đã bán	479.137.873.764	288.180.221.778
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	-	2.611.270.732
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.246.514.520)	(12.096.100.924)
Tổng cộng	898.790.392.610	634.591.638.511

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	896.567.039	1.164.961.683
Lãi đầu tư chứng khoán	-	82.686.129
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	529.054.599	305.087.357
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	803.627.488
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	831.024
Tổng cộng	1.425.621.638	2.357.193.681

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	21.709.683.237	45.273.233.303
Chi phí lãi thuê tài chính	149.801.916	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.714.975.759	1.580.660.477
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.337.804.746	69.571.840
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(204.174.003)	(247.990.868)
Tổng cộng	30.708.091.655	46.675.474.752

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	1.475.371.882	1.539.088.016
Chi phí vật liệu, bao bì	4.279.503.836	281.900.778
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.487.000	5.921.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.169.206	57.169.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.473.509	976.312.477
Chi phí khác	3.056.746.243	2.960.967.867
Tổng cộng	8.951.751.676	5.821.359.344

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	2.207.833.872	6.125.724.846
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	6.358.476.113	169.852.852
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.402.392.265	858.445.897
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.452.818.815	3.932.063.712
Chi phí khác	5.013.691.874	5.210.755.506
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	209.157.581	596.998.004
Tổng cộng	21.644.370.520	16.893.840.817

6.7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	10.182.297.323
Thu nhập khác	244.526.831	316.133.655
Tổng cộng	244.526.831	10.498.430.978

6.8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	26.666.657	9.920.579.331
Khấu hao tài sản cố định không hoạt động	2.763.414.104	1.301.168.121
Chi phí khác	40.490.287	51.789.217
Tổng cộng	2.830.571.048	11.273.536.669

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	479.137.873.763	288.180.221.778
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	392.891.024.647	479.573.557.778
Chi phí nhân công	17.964.831.499	12.315.798.999
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.019.410.178	5.348.626.997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.321.258.807	5.618.089.966
Chi phí khác	11.666.737.854	17.925.416.801
Tổng cộng	945.001.136.748	808.961.712.319

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên thu nhập chịu thuế với thuế suất thuế TNDN của từng công ty trong Tập đoàn như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Thuế suất thuế TNDN kỳ này</u>
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	+ Hoạt động thương mại 20% + Hoạt động sản xuất 15% và giảm 50%
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Đang được miễn thuế
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	25%
Công ty TNHH MTV Cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc	25%

6.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Tập đoàn và những biến động trong kỳ được trình bày như sau:

	Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch bán hàng nội bộ
Số dư đầu năm nay	298.322.384
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh trong kỳ	558.843.284
Số dư cuối kỳ	857.165.668

7. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tài sản cố định và xây dựng cơ bản tăng do vốn hóa	13.209.777.843	8.640.243.520

8. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất sắt, thép các loại.
- Lĩnh vực thương mại: mua bán sắt, thép các loại.
- Hoạt động khác: dịch vụ vận chuyển, lưu kho, xây dựng, gia công.

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

ĐVT: triệu đồng

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	409.581	481.859	297.356	487.271	3.635	-	-	-	710.572	969.130
Giữa các bộ phận	308.768	373.960	522.226	1.162.997	5.593	-	(836.587)	(1.536.957)	-	-
Tổng cộng	718.349	855.819	819.582	1.650.268	9.228	-	(836.587)	(1.536.957)	710.572	969.130

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh

ĐVT: triệu đồng

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này
Kết quả của bộ phận	56.660	60.250	18.296	10.090	1.023	-	-	-	75.980	70.340
Chi phí không phân bổ									(22.715)	(30.596)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính, thu nhập khác và chi phí khác									53.265	39.744
Thu nhập tài chính									2.357	1.426
Chi phí tài chính									(46.675)	(30.708)
Thu nhập khác									10.498	245
Chi phí khác									(11.274)	(2.831)
Lợi nhuận trước thuế									8.171	7.876
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(143)	(461)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại									387	559
Lợi nhuận sau thuế									8.415	7.974

Các thông tin khác

ĐVT: triệu đồng

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ
Tài sản của bộ phận	300.171	317.318	479.232	549.216	-	-	-	-	779.403	866.534
Tài sản không phân bổ									1.132.974	1.476.986
Tổng tài sản									1.912.377	2.343.520

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ
Nợ phải trả không phân bổ									1.187.631	1.611.534
Tổng nợ phải trả									1.187.631	1.611.534

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này
Chi phí mua sắm tài sản không phân bổ									108.408	78.391
Chi phí khấu hao không phân bổ									7.739	33.783

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

ĐVT: triệu đồng

	<u>Trong nước</u>		<u>Ngoài nước</u>		<u>Các khu vực khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	575.420	825.350	135.152	143.781	-	-	-	-	710.572	969.131
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	575.420	-	135.152	-	-	-	-	-	710.572	969.131
Chi phí mua sắm tài sản	108.408	78.391	-	-	-	-	-	-	108.408	78.391
	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ
Tài sản của bộ phận	1.902.745	153.200	9.632	48.368	-	-	-	-	1.912.377	201.568

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

9. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty và cá nhân</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thiên Lộc	Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan
2. Công ty TNHH Cơ Khí và Xây dựng Đại Thiên Lộc	Công ty đầu tư
3. Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	Cổ đông lớn
4. Công ty CP Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Cổ đông lớn
5. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
6. Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Cổ đông lớn
7. Bà Nguyễn Thanh Dung	Cổ đông lớn
8. Bà Nguyễn Thanh Loan	Cổ đông lớn

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu – Xem thêm mục 5.3	106.160.718.070	6.546.401.958
Phải thu khác - Xem thêm mục 5.3	996.862.180	-
Phải trả - Xem thêm mục 5.11	(118.412.390.996)	(57.386.286.445)
Vay ngắn hạn - Xem thêm mục 5.10	(2.161.069.737)	(2.161.069.737)
Vay dài hạn - Xem thêm mục 5.17	(110.566.466.721)	-
Phải trả lãi vay - Xem thêm mục 5.14	(97.488.592)	(3.749.050)
Phải trả khác	(7.970.942.600)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Bản chất các giao dịch với công ty liên kết và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Bán hàng	209.277.535.183	-
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	170.656.697.893	-
Vay trong kỳ	110.566.466.721	50.601.467.927
Trả tiền vay trong kỳ	-	14.300.123.208
Chi phí lãi vay	97.488.592	1.532.139.351
Mượn tiền	7.871.095.700	-
Chi hộ	64.175.700	-

- Tập đoàn cũng cung cấp và nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động theo hình thức tín chấp. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất từ 0% đến 1,65%/tháng đối với VND. Các khoản vay ngắn hạn không có thời gian hoàn trả cụ thể, các khoản vay dài hạn có thời hạn 18 tháng.

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng Quản trị của Công ty	219.600.000	-
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt của Tập đoàn	776.259.100	803.078.000
Tổng cộng	995.859.100	803.078.000

10. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.102.818.362	27.467.867.667
Các khoản phải thu và phải thu khác	191.394.210.443	54.071.288.750
Đầu tư ngắn hạn khác	850.725.000	646.550.997
Đầu tư dài hạn khác	712.425.103	339.477.795
Tài sản tài chính khác	27.794.442.050	17.952.344.138
Tổng cộng	329.854.620.958	100.477.529.347

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công nợ tài chính

Các khoản vay	900.530.326.703	864.171.018.804
Phải trả người bán và phải trả khác	591.736.777.881	228.569.938.822
Chi phí phải trả	1.830.771.227	3.945.227.288
Tổng cộng	1.494.097.875.811	1.096.686.184.914

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2013	01/01/2013	30/6/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	37.981.344,42	7.945.679,81	4.604.374,62	887.157,88
Euro (EUR)	-	-	100,27	100,27

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tập đoàn vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

Rủi ro về giá

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

30/6/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	591.736.777.881	-	591.736.777.881
Chi phí phải trả	1.830.771.227	-	1.830.771.227
Các khoản vay	632.287.947.872	268.242.378.831	900.530.326.703

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	228.569.938.822	-	228.569.938.822
Chi phí phải trả	3.945.227.288	-	3.945.227.288
Các khoản vay	691.111.867.300	173.059.151.504	864.171.018.804

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	191.394.210.443	-	191.394.210.443
Tài sản tài chính khác	27.794.442.050	-	27.794.442.050
Đầu tư ngắn hạn khác	850.725.000	-	850.725.000
Đầu tư dài hạn khác	-	712.425.103	712.425.103

(phần tiếp theo trang 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.071.288.750	-	54.071.288.750
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	646.550.997	-	646.550.997
Đầu tư ngắn hạn khác	-	339.477.795	339.477.795
Đầu tư dài hạn khác	17.952.344.138	-	17.952.344.138

11. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Các thông tin thuyết minh khác

Do thay đổi lại cơ cấu, Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 7 tháng 11 năm 2012, Công ty quyết định giải thể 02 chi nhánh:

- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, 02 chi nhánh này vẫn đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể.

13. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 28 tháng 8 năm 2013.

Bình Dương, ngày 28 tháng 8 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ THỊ VUI

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

NGUYỄN THANH NGHĨA